TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2025/HS-PT
Ngày 11 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Đạt;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 315/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Cao Văn P và các bị cáo khác; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh An Giang).

- *Bị cáo có kháng cáo:*

1/. **Cao Văn P**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 tại huyện C, tỉnh Tiền Giang. Nơi thường trú: số D, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần T17; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn H sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1936; có 01 người con, sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại.

2/. **Huỳnh Bạch Đ**, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Cà Mau. Nơi thường trú: số E X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ); nghề nghiệp: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đ6; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Hải P1, sinh năm 1961 và bà Ngô Ngọc A, sinh năm 1960; có vợ là Trần Thúy H1, sinh năm 1993 và 02 người con, sinh năm

2016 và năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giam ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại.

3/. **Ngô Công T1**, sinh năm 1961 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: số B, khu phố C, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U, Kiên Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn C, sinh năm 1911 (đã chết) và bà Trần Thị B, sinh năm 1922 (đã chết); có vợ là Đặng Thị Đ1, sinh năm 1965 và 03 người con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không.

4/. **Trần Văn H2**, sinh ngày 09 tháng 11 năm 1963 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U, Kiên Giang; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (đã chết) và bà Mạc Thị V, sinh năm 1942; có vợ là Võ Kim T2, sinh năm 1967 và 01 người con, sinh năm 1989; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không.

5/. **Đoàn Hồng D**, sinh ngày 03 tháng 01 năm 1975 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: số A, đường T, khu phố N, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Cán bộ Ban T18; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T3, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1949; có vợ là Cao Thị Kim N, sinh năm 1978 và 02 người con, sinh năm 2003 và năm 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam: Không.

6/. **Nguyễn Văn L1**, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1981 tại huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (nay là xã Đ, tỉnh An Giang); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Cán bộ Phòng Kinh tế hạ tầng huyện U, tỉnh Kiên Giang; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1944 và bà Lê Thị Lan A1, sinh năm 1944; có vợ là Nguyễn Thùy Diễm P2, sinh năm 1990 và 02 người con, sinh năm 2011 và năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giam: ngày 26/10/2023 đến ngày 27/3/2024 được tại ngoại.

7/. **Lưu Thành D1**, sinh 24 tháng 5 năm 1983 tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Nơi thường trú: số H, đường Q, khu phố L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng, Công ty Cổ phần T17; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Thành T5, sinh năm 1947 và Võ Thị B1, sinh năm 1952; có vợ là Trần Thị Ánh T6, sinh năm 1989 và 02 người con, sinh năm 2017 và năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giam: ngày 26/10/2023 đến ngày 29/8/2024 được tại ngoại.

8/. **Trần Tuấn T7**, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1982 tại huyện B, tỉnh Bến Tre. Nơi thường trú: Khóm H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường P, tỉnh Cà Mau); nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; trình độ học vấn: 12/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1953 và bà Trần Thị Thanh T8, sinh năm 1954; có vợ là Trần Thị Trà M, sinh năm 1984 và 02 người con, sinh năm 2010 và năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị tạm giam: ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024 được tại ngoại.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:*

1/. Người bào chữa cho bị cáo Cao Văn P: Luật sư Huỳnh Anh T9 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

2/. Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bạch Đ: Luật sư Hoàng Văn T10 thuộc Đoàn luật sư thành phố H và Luật sư Nguyễn Hồng N1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

3/. Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H2: Luật sư Phạm Anh V1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K.

4/ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1: Luật sư Phạm Anh V1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K và Luật sư Huỳnh Anh T9 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

5/. Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thành D1: Luật sư Phạm Anh V1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K và Luật sư Nguyễn Bá T11 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

6/. Người bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn T7: Luật sư Nguyễn Hồng N1 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

(Các bị cáo và người bào chữa đều có mặt; Ngoài ra trong vụ án còn có 6 bị cáo khác, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huyện U, tỉnh Kiên Giang chính thức đi vào hoạt động vào ngày 10/5/2007 theo Nghị định số 58/2007/NĐ-CP ngày 06/4/2007 của Chính phủ, từ đó Trung ương và tỉnh quyết định đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn huyện. Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 (thay thế Quyết định số 2234[a]/QĐ-UBND ngày 25/10/2012), Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 và Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng 03 dự án đầu tư xây dựng tại huyện U với tổng số vốn 223 tỷ đồng, trong đó: Dự án Trung tâm hành chính huyện U 143 tỷ đồng (bao gồm nhiều hạng mục công trình như san lấp mặt bằng, xây dựng nhà làm việc, xây dựng đường, cầu, cống và mua sắm trang thiết bị cho các nhà làm việc); Dự án Đường ven sông Cái Lớn (đoạn Thầy Q - Xẻo Gia) 35 tỷ đồng; Dự án Cầu trung tâm hành chính và công trình T12 kè giai đoạn II 45 tỷ đồng. Tất cả các dự án trên, UBND tỉnh giao cho UBND huyện U làm chủ đầu tư, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Sau khi được phê duyệt, các dự án được tiến hành

thi công từ năm 2013 đến năm 2016, có một số hạng mục công trình đã được thi công hoàn tất, đưa vào sử dụng nhưng chưa được nghiệm thu, quyết toán và bàn giao công trình cho đơn vị sử dụng mà chỉ được nghiệm thu, thanh toán giai đoạn.

Đến tháng 7 và tháng 12/2017, UBND tỉnh ban hành 02 quyết định thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động quản lý đầu tư, xây dựng các dự án trên. Qua thanh tra, UBND tỉnh ban hành Kết luận thanh tra số 02/KL-UBND, ngày 22/11/2017 và Kết luận thanh tra số 03/KL-UBND ngày 13/03/2018, kết luận nhiều sai phạm của các cá nhân và tổ chức liên quan gồm: Chủ đầu tư là UBND huyện U; Ban Q (BQLDA huyện) và các đơn vị tư vấn khảo sát thiết kế, thẩm tra, thẩm định; đơn vị thi công; đơn vị giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình với tổng số tiền gây thiệt hại nhiều tỷ đồng nên chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra Công an tỉnh K xử lý.

Kết quả xử lý giai đoạn 1 của vụ án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2020/HS-ST ngày 20/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và Bản án hình sự phúc thẩm số 148/2022/HS-PT ngày 30/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết án và tuyên phạt:

- Lê Thanh Đ3 - Giám đốc Ban quản lý dự án Trung tâm hành chính huyện U 04 năm tù về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 224 BLHS năm 2015 và 02 năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999.

- Châu Văn M1 - Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý dự án huyện U 01 năm tù về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 224 BLHS năm 2015 và 02 năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 285 BLHS năm 1999;

- Huỳnh Hoàng S1 - Cán bộ Phòng Kinh tế hạ tầng huyện U Minh T13 03 năm tù về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 224 BLHS năm 2015;

- Đặng Thanh P3 - Nguyên Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện U 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 224 BLHS năm 2015.

Đồng thời, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra thu thập chứng cứ, chứng minh hành vi sai phạm để xử lý theo quy định đối với hành vi của các cá nhân có liên quan khác (Giai đoạn 2).

Quá trình điều tra, xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra Công an tỉnh K khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Lê Thành H3, Trần Vẻ V2, Lý T, Nguyễn Hoàng C2, Bùi Phước T14, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Phạm Thanh S2 và Trần Tuấn T7 về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" và Đoàn Hồng D về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Kết quả điều tra xác định được như sau:

1. Về hành vi vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng:

1.1. Dự án Trung tâm hành chính huyện U Minh Thượng

UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm hành chính huyện U, tỉnh Kiên Giang (thay thế Quyết định số 2234[a]/QĐ-UBND ngày 25/10/2012); Giao UBND huyện là chủ đầu tư với hình thức quản lý dự án trực tiếp. Tổng mức đầu tư là 143.120.000.000đ, trong đó: Chi phí xây dựng 83.757.466.000đ; Chi phí trả nợ công trình đường số 1 là 5.064.000.000đ; chi phí trả nợ công trình nhà làm việc UBND huyện 3.831.000.000đ; Chi phí thiết bị 6.911.856.000đ; chi phí quản lý dự án 2.189.230.000đ; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng 8.280.564.000đ; chi phí khác 2.203.407.000đ và chi phí dự phòng 30.882.477.000đ. Nguồn vốn đầu tư là vốn ngân sách Trung ương với kế hoạch thực hiện từ năm 2013 đến năm 2017. Dự án Trung tâm hành chính huyện U được chia thành 07 hạng mục công trình để xây dựng, gồm: Hội trường huyện; Nhà làm việc khối Đoàn thể; Nhà làm việc khối quản lý Nhà nước; Nhà làm việc Huyện ủy và hàng rào; Đường giao thông số 1 và số 7; Đường giao thông số 2 và hệ thống thoát nước; Tường kè giai đoạn 1; San lấp mặt bằng.

Ngày 31/5/2013, Ngô Công T1 là Chủ tịch UBND huyện U, tỉnh Kiên Giang ký ban hành Quyết định số 1666/QĐ-UBND về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm hành chính huyện U, là đơn vị trực thuộc UBND huyện (Chủ đầu tư), chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của UBND huyện, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư theo quy định pháp luật; quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình, từ bước chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, thực hiện đầu tư xây dựng đến hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng và thanh quyết toán của toàn dự án; đảm bảo quy trình quản lý dự án đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định và pháp luật hiện hành.

Về quy trình đầu tư xây dựng các hạng mục công trình, như sau: Khi được phê duyệt chủ trương đầu tư và giao vốn của UBND tỉnh, Chủ đầu tư là UBND huyện, đại diện là BQLDA huyện tiến hành thuê đơn vị tư vấn thiết kế lập hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán của từng hạng mục công trình. Sau đó, BQLDA huyện tiếp tục thuê đơn vị tư vấn tiến hành thẩm tra lại hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán của đơn vị thiết kế; Khi thẩm tra xong trình kết quả thẩm tra cho Chủ đầu tư. BQLDA huyện chịu trách nhiệm thẩm định lại kết quả thẩm tra hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán theo đúng quy định và ký duyệt hồ sơ thẩm định, lập tờ trình kết quả thẩm định trình Chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình (kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt của Chủ đầu tư là kết quả cuối cùng để xác định quy chuẩn và giá trị của công trình). Sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ đầu tư thì BQLDA huyện thuê đơn vị tư vấn đấu thầu tiến hành đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thi công, qua đấu thầu lựa chọn được nhà thầu thi công thì tiếp tục ký hợp đồng lựa

chọn đơn vị tư vấn giám sát. Sau khi hoàn tất các quy trình trên thì đưa công trình vào khởi công xây dựng.

Công ty Cổ phần Đ6 (Công ty Đ6) trúng thầu xây dựng, ký hợp đồng số 10/HĐXD-BQLTTHC ngày 20/9/2013 với BQLDA huyện, chịu trách nhiệm thi công xây lắp 09 hạng mục công trình thuộc dự án (gồm: San lắp mặt bằng; Hội trường, Nhà Làm việc Huyện ủy; Hàng rào - Nhà bảo vệ; Nhà làm việc Khối Quản lý Nhà nước, Nhà làm việc Khối Đ, Đường G; Đường G và hệ thống Tường kè Giai đoạn 1; Đường giao thông số 7). Ông Huỳnh Hải P1, Tổng Giám đốc Công ty H5 các thủ tục Giấy ủy quyền số 616/UQ-HN ngày 06/9/2013 ủy quyền cho Huỳnh Bạch Đ, Phó Tổng Giám đốc Công ty được ký tất cả các hồ sơ gồm biên bản thương thảo hợp đồng, hợp đồng thi công gói thầu xây dựng Hội trường, các nhà làm việc, hạ tầng khu trung tâm hành chính thuộc Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính huyện U, tỉnh Kiên Giang, có quyền được giải quyết toàn bộ công việc liên quan (kể cả công việc phát sinh) với chủ đầu tư và các cơ quan liên quan trong quá trình thi công hạng mục trên và ký các quyết định bổ nhiệm, cụ thể: Quyết định số 47/QĐ-HN ngày 20/9/2013 bổ nhiệm ông Trần Thanh T15 làm Chỉ huy trưởng công trình Gói thầu số 1 - Xây dựng Trung tâm hành chính huyện U; Quyết định số 50/QĐ-HN ngày 04/3/2014 miễn nhiệm đối với ông Trần Thanh T15; Quyết định số 53/QĐ-HN ngày 04/3/2014 bổ nhiệm ông Trần Tuấn T7 làm Chỉ huy trưởng công trình Gói thầu số 1 - Xây dựng Trung tâm hành chính huyện U; Quyết định số 57/QĐ-HN ngày 02/11/2015 miễn nhiệm đối với Trần Tuấn T7; Quyết định số 58/QĐ-HN ngày 02/11/2015 bổ nhiệm ông Phạm Thanh S2 làm Chỉ huy trưởng công trình Gói thầu số 1 - Xây dựng Trung tâm hành chính huyện U; lập danh sách phân công Trần Vẻ V2 làm Chỉ huy phó, Lê Thành H3 làm cán bộ kỹ thuật. Các cá nhân này do Huỳnh Bạch Đ tham mưu cho ông Huỳnh Hải P1 ký quyết định để cung cấp cho Chủ đầu tư (Đại diện là BQLDA huyện). Nhiệm vụ của Chỉ huy trưởng là có trách nhiệm tổ chức quản lý tất cả các công việc tại hiện trường, kiểm tra, xác nhận các khối lượng thi công đề nghị thanh toán giai đoạn và có trách nhiệm báo cáo tất cả các công việc với Huỳnh Bạch Đ - Phó Tổng Giám đốc Công ty Đ6.

Công ty Cổ phần T19 (Công ty T19) ký hợp đồng với BQLDA huyện, chịu trách nhiệm giám sát thi công các hạng mục công trình thuộc dự án. Ông Hoàng Nguyên S3 phân công Bùi Phước T14, Lý T và Nguyễn Hoàng C2 làm giám sát thi công dự án.

1.1.1. Về hành vi sai phạm đối với công trình T12 kè giai đoạn 1

Công trình T12 kè giai đoạn 1 là hạng mục "Đường giao thông số 2, hệ thống thoát nước, tường kè, hệ thống chiếu sáng công cộng" trong gói thầu Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính huyện U. BQLDA huyện là đơn vị quản lý, ký hợp đồng với Công ty Cổ phần T17 (Công ty T17) lập hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình. Sau khi cán bộ thiết kế (Nguyễn Văn V3, Lưu Thành D1, Trần Thanh T16) thực hiện việc thiết kế xong, trình cho Cao Văn P - Giám đốc Công ty T17 kiểm tra, duyệt hồ sơ thiết kế. Sau đó, BQLDA huyện và Công ty S4 ký hợp đồng số 16 ngày 09/7/2013 về Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế,

bản vẽ thi công và dự toán công trình do bà Đàm Thị Q (Chủ trì thẩm tra) và Huỳnh Thanh V4 (cán bộ trực tiếp thẩm tra) thực hiện việc thẩm tra. Sau khi có kết quả thẩm tra, Lê Thanh Đ3 giao cho Đặng Thanh P3 (cán bộ của BQLDA huyện) tiến hành thẩm định lại hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình trên. Sau khi thẩm định xong, Đặng Thanh P3 trình cho Lê Thanh Đ3 kiểm tra, ký duyệt kết quả thẩm định thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình tại văn bản số 06 ngày 02/8/2013; Sau đó, Ngô Công T1 là Chủ đầu tư đồng ý ký Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 phê duyệt thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình và đưa công trình vào thi công.

Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công công trình, phần thi công đóng cọc có chiều dài 20m, gồm 02 đoạn cọc (đoạn 11,7m và đoạn 8,6m). Tuy nhiên khi thi công đóng cọc đến đoạn cọc thứ 2 là 8,6m thì chỉ đóng xuống được 4m thì cọc bị chối không xuống nữa. Lúc này, Huỳnh Bạch Đ có báo cáo sự việc cho Bùi Phước T14 và Lê Thanh Đ3 biết vụ việc đóng cọc. Sau đó, Lê Thanh Đ3 báo cáo cho Ngô Công T1 xin ý kiến. Ngô Công T1 chỉ đạo cho Lê Thanh Đ3 trao đổi với các đơn vị liên quan để cùng bàn bạc hướng xử lý. Từ đó, Huỳnh Bạch Đ, Lê Thanh Đ3, Cao Văn P, Hoàng Nguyên S3 và Bùi Phước T14 (ký nháy) đồng ý ký vào Biên bản xử lý kỹ thuật số 01/XLKT ngày 25/4/2014 thống nhất xử lý theo phương án đóng 01 đoạn cọc dài 11,7m. Sau đó, Lê Thanh Đ3 tham mưu ký Tờ trình số 15/TTr-BQL-TTHC ngày 29/4/2014 xin chủ trương xử lý kỹ thuật phần đóng cọc hạng mục: Đường giao thông số 2, hệ thống thoát nước, tường kè, hệ thống chiếu sáng công cộng, từ 20m, gồm 02 đoạn cọc (đoạn 11,7m và đoạn 8,6m) xuống đóng cọc 01 đoạn dài 11,7m và được Ngô Công T1 thống nhất ký duyệt (tờ trình không có đề xuất thẩm định, phê duyệt lại thiết kế). Mặc dù không có hồ sơ thiết kế, thẩm định và phê duyệt lại hồ sơ thiết kế, nhưng Lê Thanh Đ3 thống nhất cho Công ty Đ6 tiếp tục tiến hành thi công công trình và Bùi Phước T14 đồng ý, dẫn đến việc tường kè bị sạt lở, hiện công trình không thể đưa vào sử dụng, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 4.866.268.737đ.

* Căn cứ Kết luận giám định số 193/KL-SXD ngày 17/02/2020 và công văn số 1679/KL-SXD ngày 08/9/2020 của Sở Xây dựng tỉnh, kết luận: Thay đổi thiết kế mà không tổ chức thẩm định, phê duyệt lại là không đúng quy định tại Điều 18 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trách nhiệm thuộc về Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Lê Thanh Đ3, Bùi Phước T14, Ngô Công T1.

1.1.2. Về hành vi sai phạm đối với công trình T12 kè giai đoạn 2

Ngày 22/9/2014, Lê Thanh Đ3 - Giám đốc BQLDA huyện ký Quyết định số 39/QĐ-BQLDATTHC về phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo hình thức chỉ định thầu tư vấn lập Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Tường kè Trung tâm hành chính huyện U; hạng mục: Tường kè giai đoạn 2. Sau đó,

BQLDA huyện và Công ty T17 ký hợp đồng số 04 ngày 22/9/2014 về tư vấn báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng trên.

Sau khi Công ty T17 lập hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình xây dựng, phụ trách thiết kế do Lưu Thành D1 (chủ trì thiết kế) thực hiện việc thiết kế. D1 thừa nhận thực hiện thiết kế hồ sơ tường kè giai đoạn 2 là dựa theo hồ sơ thiết kế ban đầu (hồ sơ thiết kế chung cho T12 kè 1 và T12 kè 2, do không đủ nguồn vốn nên mới tách ra thành 02 giai đoạn). Theo hồ sơ thiết kế ban đầu phần cọc là 20m, sau đó thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Văn V3 yêu cầu điều chỉnh lại phần cọc là 16m. Vì vậy, Lưu Thành D1 thực hiện thiết kế hồ sơ Tường kè 2 đối với phần cọc là 16m, nhưng không tính toán độ ổn định, chịu lực của tường kè. Sau khi ký hồ sơ thiết kế xong, D1 trình cho Cao Văn P kiểm tra, ký duyệt hồ sơ thiết kế. Lê Thanh Đ3 giao hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình T12 kè giai đoạn 2 cho Nguyễn Văn L1, cán bộ Phòng Công thương huyện U tiến hành thẩm định. Trên cơ sở ký thẩm định của Nguyễn Văn L1 và Lê Thanh Đ3 ký kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình tại văn bản số 51 ngày 17/10/2014: "*Kết luận: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đảm bảo các yêu cầu thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình*". Sau đó, Lê Thanh Đ3 trình cho Trần Văn H2 - Phó Chủ tịch UBND huyện U ký phê duyệt báo cáo kỹ thuật, chủ trương đầu tư xây dựng dự án (thay cho hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán) theo Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 và Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 3105/QĐ-UBND, giao cho BQLDA huyện làm chủ đầu tư, đưa công trình vào thi công xây dựng với tổng mức đầu tư là 9.971.439.624đ.

Công trình do Công ty Đ6 trúng thầu thi công, Công ty Trách nhiệm hữu hạn H6 là đơn vị giám sát thi công. Công trình được đưa vào thi công vào tháng 12/2015 đến tháng 6/2016 thì tạm ngưng thi công. Đến thời điểm tạm ngưng thi công, công trình đã được thanh toán tổng số tiền 4.856.538.493đ (trong đó chi phí xây dựng 4.400.000.000đ, chi phí quản lý 60.000.000đ, chi phí thiết kế 253.020.493đ, chi phí giám sát 88.303.00đ, chi phí bảo hiểm 55.215.000đ).

Trong quá trình điều tra, Lưu Thành D1 cho rằng việc thiết kế là đúng, không đồng ý kết luận giám định của Tổ Giám định thuộc Sở Xây dựng tỉnh. Sau đó, Sở Xây dựng tỉnh K ban hành công văn số 1974/XSD-TTKĐ ngày 27/7/2023 khẳng định kết luận giám định số 509/KL-SXD ngày 18/4/2019 và kết luận số 193/KL-XSD ngày 17/02/2020 là chính xác, do kết quả tính toán của Lưu Thành D1 chỉ tính toán trong giai đoạn thi công, chưa tính đến giai đoạn hoàn thiện đưa vào sử dụng và trường hợp đặc biệt bất lợi nhất.

* Căn cứ Kết luận giám định số 193/KL-SXD ngày 17/02/2020, Công văn số 1697/KL-SXD ngày 08/9/2020 và Công văn số 1974/SXD -TTKĐ ngày 27/7/2023 của Sở Xây dựng tỉnh K, kết luận: Hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công được duyệt không đảm bảo an toàn chịu lực (không đảm bảo kết cấu, kỹ thuật theo quy định); Nội dung sai cụ thể là không thỏa điều kiện ổn định; tính toán sai so với quy trình, quy định tại: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPPTNT: Công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

Tiêu chuẩn V:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi; Tiêu chuẩn V:1998 Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế.Từ việc hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công được duyệt không đảm bảo an toàn chịu lực, không thỏa điều kiện ổn định tường kè công trình đã gây hậu quả thiệt hại cho công trình về phần cọc là **3.626.708.232đ**. Trách nhiệm thuộc về các cá nhân: Cao Văn P, Lưu Thành D1, Nguyễn Văn L1, Lê Thanh Đ3 và Trần Văn H2.

1.1.3. Về hành vi sai phạm đối với công trình Hội trường huyện

Công trình xây dựng Hội trường huyện nằm trong gói thầu Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính huyện U. BQLDA huyện là đơn vị quản lý, ký hợp đồng với Công ty T17 lập hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự án công trình. Sau đó, BQLDA huyện và Công ty TNHH Một thành viên S4 ký hợp đồng số 16 ngày 09/7/2013 về Tư vấn thẩm tra hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình. Sau khi có kết quả thẩm tra, Lê Thanh Đ3 giao cho Đặng Thanh P3 tiến hành thẩm định lại hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự án công trình trên. Sau khi thẩm định xong, Đặng Thanh P3 trình cho Lê Thanh Đ3 kiểm tra, ký kết quả thẩm định thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình tại văn bản số 01 ngày 02/8/2013. Sau đó, Ngô Công T1 là Chủ đầu tư đồng ý ký Quyết định số 2202/QĐ-UBND ngày 06/8/2013 phê duyệt thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán công trình và đưa công trình vào thi công.

Trong quá trình thi công phần đổ cột của Hội trường, Ngô Công T1 và một số lãnh đạo huyện nhìn thấy 02 cột của công trình chắn ngang sân khấu che khuất tầm nhìn gây mất thẩm mỹ nên Ngô Công T1 đồng ý bỏ 02 cột và chỉ đạo cho Lê Thanh Đ3 mời đơn vị thiết kế, giám sát để tiến hành xử lý theo quy định. Tuy nhiên, Lê Thanh Đ3, Huỳnh Bạch Đ, Cao Văn P, Bùi Phước T14 không thực hiện đúng theo quy định pháp luật để tiến hành lập hồ sơ thiết kế, thẩm định và phê duyệt lại hồ sơ thiết kế. Mặc dù không có hồ sơ thiết kế, thẩm định và phê duyệt lại hồ sơ thiết kế, nhưng Lê Thanh Đ3 thống nhất cho Công ty Đ6 tiếp tục thi công và Bùi Phước T14 đồng ý, dẫn đến công trình không đảm bảo khả năng chịu lực, gây thiệt hại cho nhà nước.

* Căn cứ Kết luận giám định số 193/KL-SXD ngày 17/02/2020 của Sở Xây dựng tỉnh, kết luận (Mục 1.3.3 phần II): Thay đổi thiết kế mà không tổ chức thẩm định, phê duyệt lại là không đúng quy định tại: Điều 18 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/02/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Khoản 2, Điều 22, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Nội dung sai phạm cụ thể: làm cho dầm DS18 trục 4 và trục 7 tại cao độ +8,700m, tiết điện 200x500mm không đảm bảo khả năng chịu lực; Tính toán sai so với quy trình, quy định tại: Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2737-1995 Tải trọng và tác động; Tiêu chuẩn Việt Nam 5574:2012 - Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế. Với tổng giá trị tương ứng gây thiệt hại số tiền **260.438.334đ**;

Trách nhiệm thuộc về Cao Văn P, Lê Thanh Đ3, Bùi Phước T14 và Ngô Công T1.

1.1.4. Về hành vi sai phạm trong việc thi công, thanh toán các hạng mục công trình:

Thông qua công tác đấu thầu các dự án thì Công ty Đ6 trúng thầu và ký kết hợp đồng với BQLDA huyện, chịu trách nhiệm thi công xây lắp các hạng mục công trình thuộc Dự án Trung tâm hành chính huyện U. Trước khi đưa các công trình vào thi công, BQLDA huyện lập hồ sơ chỉ định thầu, Công ty T19 là đơn vị tư vấn giám sát thi công tất cả các hạng mục công trình. Trong quá trình thi công đến giai đoạn cần nghiệm thu khối lượng, thanh toán giai đoạn thì đơn vị thi công là cán bộ thi công Công ty H7 bảng chiết tính khối lượng hoàn thành cần nghiệm thu khối lượng, thanh toán giai đoạn gởi cho đơn vị giám sát là Công ty T19 để kiểm tra các công việc, khối lượng cần nghiệm thu. Sau đó, đơn vị thi công gởi hồ sơ lên BQLDA huyện nghiên cứu và cử cán bộ kỹ thuật của BQLDA huyện (gồm Châu Văn M1 và Huỳnh Hoàng S1) kết hợp với cán bộ của đơn vị thi công (gồm Lê Thành H3, Trần Tuấn T7, Phạm Thanh S2, Trần Vẻ V2) và cán bộ tư vấn giám sát Công ty T19 (gồm Bùi Phước T14, Lý T, Nguyễn Hoàng C2) tiến hành lập biên bản nghiệm thu khối lượng giai đoạn các hạng mục công trình. Sau khi các bên thống nhất, đơn vị thi công tiến hành lập bảng khối lượng thực hiện giai đoạn hoàn thành đề nghị thanh toán gửi đơn vị tư vấn giám sát thi công để kiểm tra; nếu đúng thì ký xác nhận để trình BQLDA huyện; Sau đó, BQLDA huyện tiến hành phân công cán bộ kỹ thuật kiểm tra, trình lãnh đạo BQLDA huyện ký xác nhận và giao kế toán BQLDA huyện lập hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn gửi Kho bạc huyện thanh toán cho Nhà thầu; đồng thời thu hồi tạm ứng dần theo tỷ lệ % theo hợp đồng đã ký.

Căn cứ vào lời khai nhận của Huỳnh Bạch Đ, Lê Thanh Đ3, Phạm Thanh S2, Trần Vẻ V2 và Lê Thành H3: Trong quá trình nghiệm thu, thanh toán giai đoạn, Đằng có phát hiện khối lượng thanh toán vượt, thanh toán thừa nhưng nhân viên cấp dưới đã làm xong hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh toán nên Đằng gặp Lê Thanh Đ3 - Giám đốc BQLDA huyện trao đổi, thống nhất cho đơn vị thi công thanh toán các khối lượng thanh toán vượt, thanh toán thừa; sau này đến khi quyết toán sẽ giảm trừ lại. Sau đó, Đ thống nhất cho chủ trương (thông báo miệng) cho nhân viên tiến hành lập hồ sơ thanh toán các khối lượng thừa, vượt; sau này đến khi quyết toán sẽ giảm trừ lại nhằm mục đích chiếm dụng tiền của nhà nước để thực hiện các hạng mục tiếp theo trong dự án. Từ đó dẫn đến việc cấp dưới thực hiện sai phạm trong việc nghiệm thu, thanh toán gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền là **4.273.281.060đ.**

* Căn cứ kết quả thu thập tài liệu chứng cứ và Kết luận giám định số 193/KL-SXD ngày 17/02/2020, Công văn số 615/KL-SXD ngày 21/3/2024 và Công văn số 1803/KL-SXD ngày 12/7/2024 của Sở Xây dựng tỉnh K đã xác định được hành vi của các bị can trong quá trình thi công, thanh toán, như sau:

- Đối với Huỳnh Bạch Đ (Phó Tổng Giám đốc Công ty Đ6): Trong quá trình thi công, Đ thống nhất chủ trương (thông báo miệng) cho nhân viên tiến hành lập

hồ sơ đề nghị thanh toán giai đoạn các khối lượng thừa, vượt; sau này đến khi quyết toán sẽ giảm trừ lại. Đ đã ký hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh toán sai quy định như kê tăng khối lượng, thanh toán khi không có khối lượng, thanh toán sai đơn giá vật tư, thay đổi chủng loại vật tư, thanh toán trùng khối lượng thi công đối với các hạng mục công trình khác, gây thiệt hại tổng số tiền là **4.273.281.060đ**, nhằm mục đích chiếm dụng tiền của nhà nước để thực hiện các hạng mục tiếp theo trong dự án.

- Đối với Trần Tuấn T7 (Chỉ huy trưởng công trình Dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện U - Công ty Đ6): Trong quá trình điều tra, T7 cho rằng bản thân không phải là chỉ huy trưởng công trình (do không nhận được quyết định bổ nhiệm), các sai phạm ở các giai đoạn thanh toán 4, giai đoạn 6, giai đoạn 8 và giai đoạn 11, việc thanh toán giai đoạn 12 là do ông Ngô Quốc L2 chuẩn bị sẵn đem xuống Cà Mau nhờ ký thanh toán và việc giám định của Sở Xây dựng tỉnh là không có căn cứ pháp luật. Ngoài ra, T7 thừa nhận khi lập hồ sơ đề nghị thanh toán giai đoạn 12 là T7 căn cứ vào hồ sơ thanh toán khối lượng trước đó và khối lượng thực tế thi công tại công trường, ký biên bản xác nhận khối lượng chi tiết để làm hồ sơ thanh toán, không quan tâm đến việc thanh toán giai đoạn trước. Tham gia chỉ đạo trực tiếp công trình T12 kè giai đoạn 1 (sau khi T12 kè gặp sự cố), thực hiện đổ lại tường thân kè, xà mũ 2 đoạn kè là 40 mét, sau đó thi công đỗ xà mũ tường kè khoảng 140 mét (7 đoạn kè) và đóng cọc neo đỗ đà giằng theo hồ sơ thiết kế; Tham gia quản lý về mặt kỹ thuật để công nhân đổ cọc T12 kè giai đoạn 2 khoảng 30% khối lượng cọc, quản lý kỹ thuật để cho công nhân thi công, thời điểm này không có hồ sơ thiết kế, mà thực hiện theo sự chỉ đạo của ông Ngô Quốc L2, đổ hết toàn bộ cây sắt dài 11,7 mét không nhớ kích thước sắt fi bao nhiêu và thiết diện cọc là bao nhiêu.

Căn cứ vào Kết luận giám định, văn bản trả lời của Sở Xây dựng tỉnh, Hợp đồng xây lắp số 10/HĐXD-BQLTTHC ngày 20/9/2013, các quyết định bổ nhiệm, hồ sơ thanh toán các giai đoạn và lời khai của các bị can, cá nhân có liên quan, biên bản đối chất và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ gói thầu số 1 đã có đủ cơ sở xác định Trần Tuấn T7 là Chỉ huy trưởng công trình Dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện U. Trong quá trình điều tra, T7 khai nhận là người trực tiếp thi công hạng mục Đường giao thông số 7 và lập, ký hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn 12 (các biên bản hỏi cung ngày 26/10/2023, ngày 16/11/2023, ngày 26/01/2024, ngày 30/01/2024). Trong quá trình ký xác nhận thì có rà soát khối lượng phát sinh theo đầu mục công việc theo phụ lục hợp đồng; khi ký nghiệm thu thì có kiểm tra khối lượng trực tiếp thi công; đối với các hạng mục không trực tiếp thi công thì không kiểm tra, mà chỉ kiểm tra khối lượng trên hồ sơ các hạng mục, nếu không vượt phụ lục hợp đồng thì sẽ ký, chứ không kiểm tra thực tế khối lượng đã thi công ngoài hiện trường.

Như vậy với chức vụ là Chỉ huy trưởng công trình dự án theo Quyết định bổ nhiệm số 53/QĐ-HN ngày 04/3/2014 của Công ty Đ6 và trực tiếp thi công hạng mục đường giao thông số 7, T7 phải biết được những sai phạm trong việc nghiệm thu, thanh toán các giai đoạn của cấp dưới trước đó đã nghiệm thu, thanh toán khối lượng theo phụ lục hợp đồng, phù hợp chủ trương của Công ty và hồ sơ

thanh toán các giai đoạn cũng đã thể hiện trong hạng mục hội trường có khối lượng phát sinh giảm; đồng thời khi ký hồ sơ thanh toán giai đoạn 12, T7 đã căn cứ vào khối lượng lũy kế của giai đoạn trước để tự lập thủ tục hồ sơ đề nghị thanh toán giai đoạn và ký với chức vụ là Chỉ huy trưởng công trình dự án. Từ đó T7 phải biết phát sinh khối lượng giảm của hạng mục Hội trường (trong khi hạng mục Hội trường được sử dụng vào tháng 5/2015, nhưng chưa được nghiệm thu đưa vào sử dụng và chưa quyết toán), nhưng đến giai đoạn 12 vẫn không thanh toán khấu trừ phát sinh giảm theo quy định pháp luật xây dựng, bỏ mặc hậu quả sai phạm, đồng phạm giúp sức để cho đơn vị thi công tiếp tục chiếm đoạt nguồn tiền trên cho đến khi Thanh tra tỉnh Kiên Giang phát hiện, ngăn chặn, gây thiệt hại cho nhà nước **659.650.762đ**.

- Đối với Phạm Thanh S2 (Chỉ huy trưởng công trường Dự án Xây dựng Trung tâm hành chính huyện U - Công ty Đ6): Trong quá trình nghiệm thu, thanh toán khối lượng giai đoạn 13 đến giai đoạn 18, Phạm Thanh S2 không kiểm tra chi tiết khối lượng thực tế thi công, không đối chiếu lại với đơn giá hợp đồng một số hạng mục công trình mà chỉ nghiệm thu trên hồ sơ thanh toán, đối chiếu với hồ sơ khối lượng, đơn giá theo phụ lục hợp đồng; thực tế chỉ có cán bộ kỹ thuật thi công, cán bộ giám sát, cán bộ Ban QLDA huyện đi kiểm tra, B2 cho S2 lập hồ sơ thanh toán, từ đó dẫn đến sai phạm trong đề nghị nghiệm thu, thanh toán, gây thiệt hại số tiền **1.377.948.023đ**.

- Đối với Lê Thành H3 (Cán bộ kỹ thuật - Công ty Đ6): Trong quá trình nghiệm thu thanh toán giai đoạn, H3 không trực tiếp đi kiểm tra thực tế khối lượng tại hiện trường mà chỉ xem trên hồ sơ thanh toán, đối chiếu với hồ sơ, khối lượng đơn giá theo phụ lục hợp đồng rồi ký xác nhận nghiệm thu, thanh toán dẫn đến gây thiệt hại số tiền **440.942.331đ**, cụ thể: Hạng mục công trình san lắp mặt bằng: thanh toán không có khối lượng cừ tràm giá trị là 100.065.400đ; Hạng mục Đường giao thông số 1: thanh toán không có khối lượng thi công phần công việc: sản xuất lắp dựng tháo dỡ ván khuôn, bê tông đá 1x2(AF11213) số tiền 52.028.850đ; Hạng mục hội trường số tiền thiệt hại 288.277.425đ.

- Đối với Trần Vẻ V2 (Chỉ huy phó công trường Dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện U - Công ty Đ6): Trong quá trình lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh toán giai đoạn (giai đoạn 02 đến giai đoạn 11), V2 không trực tiếp đến hiện trường mà chỉ nghiệm thu trên hồ sơ thanh toán đối chiếu với hồ sơ khối lượng, đơn giá theo phụ lục hợp đồng, trực tiếp ký xác nhận khối lượng các giai đoạn 5, 8, 9 dẫn đến sai phạm trong đề nghị nghiệm thu, thanh toán gây thiệt hại số tiền **308.959.181đ**, cụ thể: Thanh toán không lắp đặt thép nắp đan hố ga là 344.785đ; thanh toán khi không có khối lượng thi công phần công việc: sản xuất lắp dựng tháo dở ván khuôn, bê tông đá 1x2 là 45.945.583 đồng; thanh toán khi không có khối lượng thi công công tác sản xuất lắp ván khuôn bồn hoa là 104.568.980 đồng và thanh toán sai chủng loại, sai giá phần lát gạch vỉa hè so với hồ sơ thiết kế và hợp đồng xây dựng với đơn vị thi công là gạch đất nung nhưng thực tế là gạch xi măng tự chèn là 158.099.833 đồng. Ngoài ra theo Công văn 615/KL-SXD ngày 21/3//2024 của Sở Xây dựng tỉnh xác định: Trần Vẻ V2 phải chịu trách nhiệm

đối với sai phạm trong nghiệm thu, thanh toán khối lượng thuộc Hạng mục công trình Hội trường với số tiền: 276.776.883 đồng.

- Đối với Bùi Phước T14 (Cán bộ giám sát - Công ty T19): Ông Hoàng Nguyên S3 (Giám đốc Công ty T19) ban hành quyết định thành lập Tổ tư vấn giám sát (trong đó: ông Hoàng Nguyên S3 là tư vấn giám sát trưởng, T14 là giám sát chuyên ngành) để thực hiện tư vấn giám sát các hạng mục công trình tại dự án. Trong quá trình giám sát, T14 đã ký xác nhận khối lượng đề nghị nghiệm thu, thanh toán sai quy định để đơn vị thi công kê tăng khối lượng, thanh toán khi không có khối lượng, thanh toán sai quy định, gây thiệt hại tổng số tiền **977.119.823đ**, cụ thể: Hạng mục tường kè giai đoạn 1: Thanh toán thừa chiều cao tường kè chắn đất do đơn vị thi công khi thi công thiếu chiều cao so với hồ sơ thiết kế, nhưng vẫn thanh toán đủ theo hồ sơ thiết kế, giá trị thiệt hại là 261.206.167đ (Giai đoạn 6); Hạng mục Đường giao thông số 1: Thanh toán không lắp đặt thép nắp đan hố ga giá trị 344.785đ; thanh toán không có khối lượng thi công phần công việc: sản xuất lắp dựng tháo dỡ ván khuôn, bê tông đá 1x2 (AF11213) giá trị 45.945.583đ; Thanh toán không có khối lượng thi công công tác sản xuất lắp dựng ván khuôn bồn hoa giá trị là 104.568.980đ; không giảm trừ các khối lượng giảm dẫn đến đơn vị thi công chiếm dụng số tiền là 565.054.308đ của hạng mục hội trường.

- Đối với Lý Trường K (Cán bộ giám sát - Công ty T19): Trong quá trình được phân công giám sát tại Dự án Trung tâm hành chính U Minh T13, K đã ký xác nhận khối lượng đề nghị nghiệm thu, thanh toán sai quy định để đơn vị thi công kê tăng khối lượng, thanh toán khi không có khối lượng, thanh toán sai đơn giá vật tư, thay đổi chủng loại vật tư, thanh toán không khấu trừ các khối lượng phát sinh giảm đối với các hạng mục công trình, gây thiệt hại số tiền **1.871.482.795đ**, cụ thể: Hạng mục Tường kè giai đoạn 1, thanh toán thừa 370 rọ đá gây thiệt hại 634.611.420đ; Đường giao thông số 7: Thanh toán khối lượng cát san lắp bị trùng hạng mục san lắp mặt bằng gây thiệt hại 296.082.011đ. Thanh toán trùng khối lượng sắt cống thoát nước với đường Số A gây thiệt hại 114.223.331đ. Thừa khối lượng chiều dày lớp cấp phối đá dăm 25.258.382đ; Hạng mục Hội trường: thanh toán mà không khấu trừ phát sinh giảm Nhà vệ sinh khu tiểu nam, sảnh Bê tông cốt thép gây thiệt hại số tiền 659.650.762đ; Đường giao thông số 1: Thanh toán sản xuất lắp dựng cốt thép gối đỡ không có khối lượng thi công thiệt hại số tiền 98.731.295đ, giai đoạn thanh toán 13. Thanh toán không có khối lượng thi công trong công tác sản xuất cốt thép gối đỡ 06 mm và 10mm thiệt hại số tiền 108.834.726đ. Thanh toán bê tông lót móng đá 4x6 mác 100 chiều dày 0,1 mét, không đủ chiều dày, không có xi măng số tiền thiệt hại 203.172.979đ trong đó: không có xi măng số tiền là 74.387.377đ, không đủ chiều dày số tiền là 128.785.420đ.

- Đối với Nguyễn Hoàng C2 (Cán bộ giám sát - Công ty T19): Khi đơn vị thi công lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, Nguyễn Hoàng C2 cùng cán bộ kỹ thuật của BQLDA huyện tiến hành kiểm tra các khối lượng trong hồ sơ thanh toán của đơn vị thi công. Tuy nhiên, trong quá trình giám sát C2 không kiểm tra chi tiết, cụ thể khối lượng trong hồ sơ đề nghị thanh toán của đơn vị thi công lập nên

không phát hiện được các sai phạm về đơn giá, khối lượng mà vẫn đồng ý ký xác nhận khối lượng đề nghị nghiệm thu, thanh toán, gây thiệt hại số tiền **603.854.890đ**, cụ thể: Hạng mục Nhà làm việc khối quản lý nhà nước: Thanh toán không có khối lượng 02 sảnh đón, tường và lan can, gây thiệt hại 122.159.485đ; Đường giao thông số 2: Thanh toán thừa 159 cọc với số tiền 137.596.485đ và Đ4 giao thông số 2: Thanh toán sai đơn giá dự thầu, gạch lát vỉa hè: 344.098.920đ.

2. Về hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng

Căn cứ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 28/5/2013 của UBND tỉnh về đầu tư xây dựng công trình Trung tâm hành chính huyện U, trong đó chi phí thiết bị được phê duyệt là 6.911.856.000đ. Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh có Quyết định số 203/QĐ-SKHĐT ngày 01/7/2013 về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu 02 gói thầu mua sắm thiết bị Văn phòng Huyện ủy (gói thầu số 03) và mua sắm thiết bị công nghệ Hội trường Huyện (gói thầu số 04). Tổng giá trị phê duyệt là 2.908.891.000đ, trong đó:

- Gói thầu số 03 (Mua sắm cung cấp thiết bị công nghệ - tủ, bàn, ghế làm việc; hệ thống màn; làm trần, ván tường trang trí phòng họp, phòng khánh tiết và phong; màn cửa Văn phòng Huyện ủy) là 994.000.000đ.

- Gói thầu số 04 (Cung cấp thiết bị công nghệ Hội trường huyện - bàn; ghế; ốp gỗ tường, cột và thiết bị trang trí sân khấu Hội trường huyện) là 1.914.891.000đ.

Trên cơ sở tham mưu của BQLDA huyện, Đoàn Hồng Đ5 - Chủ tịch UBND huyện ký phê duyệt hồ sơ chỉ định thầu đối với 02 gói thầu mua sắm số 03, số D. Lê Thanh Đồng phân công Châu Văn M1 (cán bộ thẩm định) thực hiện việc thẩm định 02 gói thầu trên và đưa cho M1 03 hồ sơ chào giá của các đơn vị cung cấp. Châu Văn M1 không thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo hình thức chỉ định thầu, mà chọn nhà thầu có giá thấp nhất để lập tổng hợp dự toán, ký thẩm định 02 gói thầu và trình ông Lê Thanh Đ3 phê duyệt thẩm định dự toán. Trên cơ sở thẩm định dự toán, Lê Thanh Đ3 ký Tờ trình số 35 và số 36 ngày 02/7/2015 để trình Đoàn Hồng D phê duyệt dự toán 02 gói thầu trên. Đoàn Hồng D đồng ý ký Quyết định số 1427/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 phê duyệt dự toán gói thầu Thiết bị công nghệ Văn phòng Huyện ủy (gói thầu số 03) với giá trị dự toán gói thầu là 4.568.942.700đ - Chủ đầu tư là UBND huyện với hình thức là Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Cùng ngày, ông Đoàn Hồng D đồng ý ký Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 02/7/2015 phê duyệt dự toán gói thầu Thiết bị công nghệ Hội trường huyện (gói thầu số 04) với giá trị dự toán gói thầu là 7.658.910.566đ - Chủ đầu tư là UBND huyện với hình thức là Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Trên cơ sở dự toán gói thầu được phê duyệt, BQLDA Trung tâm hành chính huyện tiến hành ký hợp đồng với nhà cung cấp thiết bị, cụ thể:

- Hợp đồng số 29/HĐTB-BQLTTHC ngày 14/7/2015 (gói thầu số 03): BQLDA huyện ký với Doanh nghiệp tư nhân A2 (A2), giá trị hợp đồng là 3.928.000.000đ, thời gian thực hiện là 25 ngày với hình thức hợp đồng trọn gói. Quá trình thực hiện có phát sinh bổ sung mua sắm thiết bị, BQLDA huyện và

DNTN Anh Thư ký phụ lục hợp đồng giá trị là 303.000.000đ (Phụ lục hợp đồng số 29a/HĐTB-BQLDATTHC ngày 21/12/2015).

- Hợp đồng số 26/HĐTB-BQLDATTHC ngày 10/7/2015 (gói thầu số 04); BQLDA huyện ký với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên N2 (Công ty N2), giá trị hợp đồng là 3.715.000.000đ.

- Hợp đồng số 27/HĐTB-BQLTTHC ngày 14/7/2015 (gói thầu số 04): BQLDA huyện ký với A2, giá trị hợp đồng là 2.345.000.000đ.

Sau khi thi công, BQLDA huyện và A2 và Công ty N2 lập biên bản nghiệm thu 02 gói thầu trên tại biên bản số 23 ngày 09/8/2015; số 27 ngày 31/12/2015 (gói thầu số 3) và số 20 ngày 05/8/2015; số 21 ngày 06/8/2015 (gói thầu số 04). Đến tháng 1 và tháng 8/2016, các bên tiến hành thanh lý hợp đồng và Lê Thanh Đ3 thống nhất thanh toán 02 gói thầu trên cho A2 và Công ty N2 với số tiền 10.128.063.500đ.

* Căn cứ Kết luận giám định số 87/KLGĐ-STC ngày 31/8/2019 và Công văn số 782 ngày 12/6/2019 của Sở T20, kết luận: Trong chỉ đạo thực hiện việc mua sắm tài sản 02 gói thầu (gói số 03 và gói số 04), Chủ đầu tư (BQLDA) Trung tâm hành chính U Minh T13 thực hiện sai quy trình, thủ tục mua sắm thiết bị, thực hiện chuyển hình thức mua sắm thiết bị chào hàng cạnh tranh sang hình thức chỉ định thầu, phê duyệt giá dự toán gói thầu vượt giá trị theo phê duyệt lựa chọn nhà thầu của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh mà không xin ý kiến, tự phê duyệt điều chỉnh không đúng thẩm quyền, không tuân thủ thực hiện các nội dung: Lập hồ sơ yêu cầu, thẩm định và phê duyệt hồ sơ yêu cầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu, đánh giá hồ sơ đề xuất; phê duyệt giá dự toán gói thầu không khảo sát kỹ giá trị trường là thiếu khách quan. Đoàn Hồng D, nguyên Chủ tịch UBND huyện chịu trách nhiệm chung trong việc ký phê duyệt sai thẩm quyền, mua sắm thiết bị vượt mức cơ cấu đầu tư; phê duyệt dự toán 01 gói thầu vượt so với giá trị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu của Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh, từ đó để xảy ra sai phạm với số tiền **3.178.270.194đ.**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Lưu Thành D1, Nguyễn Văn L1, Trần Tuấn T7, phạm tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"; các bị cáo Ngô Công T1, Đoàn Hồng D, Trần Văn H2 phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

1/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Cao Văn P** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

2/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Bạch Đ** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

3/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Lưu Thành D1** 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 29/8/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L1** 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 27/3/2024.

4/. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn T7** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/02/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5/. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo **Ngô Công T1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Hồng D** 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn H2** 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

Ngày 10/3/2025, bị cáo Cao Văn P, Trần Văn H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Đoàn Hồng D có đơn kháng cáo

đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo hoặc miễn hình phạt; bị cáo Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngày 12/3/2025, bị cáo Huỳnh Bạch Đ kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Trần Tuấn T7 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bị cáo không phạm tội.

Ngày 13/3/2025, bị cáo Ngô Công T1 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho bị cáo được hưởng án treo hoặc miễn hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của các bị cáo P, Đ, T1, H2, D xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét kháng cáo của các bị cáo kêu oan gồm D1, L1, T7:

Đối với bị cáo D1 là người chủ trì thiết kế của Công ty T17, phân cọc 16m nhưng không tính toán khả năng chịu lực, D1 tìm P nhờ ký hồ sơ thiết kế kỹ thuật thiếu an toàn kỹ thuật, bị cáo không đồng ý kết luận giám định của Sở Xây dựng, tuy nhiên Sở đã có công văn trả lời sai sót của bị cáo là chỉ tính toán trong giai đoạn thi công, chưa tính đến giai đoạn hoàn thiện đưa vào sử dụng.

Đối với bị cáo L1 là người chịu trách nhiệm thẩm định nhưng thiếu đối chiếu quy định về kỹ thuật, không đảm bảo an toàn chịu lực.

Đối với bị cáo T7 là chỉ huy trưởng công trình, bị cáo buộc phải biết hiện trường, nghiệm thu thanh toán nhưng bị cáo lại bỏ mặc hậu quả của công ty Đ6, căn cứ lời khai của V2, S3, Đ, Đ3, H3 thì từng người đều thực hiện đúng vị trí của mình, phù hợp với thời gian bị cáo làm việc tại công ty.

Từ đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của 3 bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày:

- Luật sư Huỳnh Anh T9 bào chữa cho bị cáo Cao Văn P: Bị cáo P có vai trò hạn chế, phụ thuộc vào các bị cáo khác, nếu không có P thì vụ án vẫn xảy ra, giai đoạn 2 chưa xảy ra hậu quả nhưng lại quy kết hành vi của P ngang với bị cáo Đ, T1 là chưa phù hợp. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm đã xem xét, thì bị cáo P có tình tiết mới là đơn xin ân giảm hình phạt và hưởng án treo, bị cáo

mắc bệnh u gan ác tính, bị cáo là lao động chính trong gia đình chỉ có bị cáo và 1 con gái còn nhỏ, mẹ già cấp cứu tại Bệnh viện Đ7, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, lý lịch và nơi cư trú rõ ràng, chấp hành nghiêm việc triệu tập, đã đóng án phí và tiền khắc phục hậu quả, chứng minh bị cáo P có khả năng tự cải tạo, đủ điều kiện hưởng án treo, đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Luật sư Hoàng Văn T10 bào chữa cho bị cáo Huỳnh Bạch Đ: cấp sơ thẩm quy kết hành vi phạm tội về hồ sơ thiết kế chứ không phải hồ sơ thi công. Bị cáo Đ khi thực hiện nhiệm vụ đã báo cáo đầy đủ với những người có thẩm quyền nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm tại giai đoạn 2. Chỉ huy công trình phải chịu trách nhiệm chính về hiện trường và nghiệm thu, Đ chỉ ký sau cùng nên buộc Đ chịu trách nhiệm hình sự ở hành vi này là chưa phù hợp, vai trò thứ yếu nhưng bị cáo cũng đã thực hiện việc bồi thường đầy đủ và bồi thường thay luôn cho các bị cáo khác. Đằng thành khẩn khai báo, nộp tiền đầy đủ, gia đình có công với cách mạng, đã nộp xong án phí, có địa chỉ rõ ràng, tích cực trong phong trào giúp đỡ xã hội trong đại dịch C, trang 16 cáo trạng ghi nhận bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nên cần được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự từ đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Trường hợp phải hỦy bán án này về xét xử lại thì đề nghị Hội đồng xét xử không bỏ lọt tội phạm và bị cáo nào không có tội thì miễn trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Ngô Công T1 trình bày: ở 2 kỳ xét xử sơ thẩm Đằng, T1 đã thừa nhận không có hỏi ý kiến bị cáo, bị cáo là người cho ngừng thi công vì lúc đó bị cáo đang làm chủ tịch huyện. Bị cáo căn cứ vào biên bản và ký tờ trình năm 2017, thì Đ3 mới lên xin khôi phục tờ trình thì có ghi là ký tờ trình nhưng không cho khôi phục thi công, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Phạm Anh V1 bào chữa cho bị cáo Lưu Thành D1: kết luận giám định 193, công văn số 1679, công văn số 1974 của Sở Xây dựng căn cứ báo cáo 124 để kết luận công trình tường kè 2 không đủ chịu lực là không khách quan vì tính toán sai về mực nước, địa hình, chỉ là suy luận nên không đủ căn cứ kết luận tường kè 2 không đủ khả năng chịu lực nên các văn bản trên cũng sai theo, không có cơ sở kết luận bản vẽ thi công không đủ khả năng chịu lực. Hiện nay tường kè 2 đang trong giai đoạn đại trà, chưa có dấu hiệu nghiêng lún, ngừng thi công là do thiếu kinh phí, công trình đủ điều kiện khắc phục sai sót điều chỉnh thiết kế xây dựng để đảm bảo chất lượng công trình và thi công dự án. Vì vậy kết luận thiệt hại 3 tỷ đồng là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bị cáo D1 không phạm tội.

- Luật sư Phạm Anh V1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L1: Công trình tường kè giai đoạn 2 đang thi công dang dở, chưa hoàn thiện và chưa có bất kỳ dấu hiệu sạt lở nào nên Sở Xây dựng kết luận thiệt hại 3 tỷ đồng là không đúng, mới thi công 5 cọc 18m còn 35 cọc chưa thi công nên chưa gây thiệt hại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bị cáo L1 không phạm tội.

- Luật sư Vũ bào C3 cho bị cáo Trần Văn H2: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H2 vì vấn đề về sức khoẻ.

- Bị cáo Lưu Thành D1 trình bày: Bản án sơ thẩm nêu nội dung tường kè 2 dựa trên hồ sơ thiết kế ban đầu, tường kè trung tâm, nhưng thực chất chỉ là tham khảo ước tính chi phí đầu tư xây dựng chứ không phải hồ sơ kỹ thuật, để đồng bộ về mặt kiến trúc, đã có điều chỉnh về cọc để phù hợp địa chất hiện trường và giảm chi phí của giai đoạn 2.

- Bị cáo Đoàn Hồng D trình bày: Sau khi biết Đ3 tham mưu ký sai hồ sơ thì bị cáo chỉ đạo Đ3 giảm thầu 2 tỷ đồng trước khi thanh tra kiểm tra phát hiện. Khi phát hiện có chênh lệch số tiền đề nghị và sau khi thi công bị cáo có hỏi Đ3 thì Đ3 cho biết là do chủ đầu tư, tiền không vượt mức đầu tư thì vẫn thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư nên bị cáo ký.

- Bị cáo Trần Tuấn T7 trình bày: Bản án sơ thẩm là suy diễn, biên bản xử lý kỹ thuật không phải chữ ký của bị cáo mà vẫn quy kết cho bị cáo, bị cáo chứng minh được là bị cáo không có mặt tại công trình, bị cáo chỉ có ký 1 hồ sơ năm 2016 nhưng quy giá trị sai phạm cho bị cáo là từ giai đoạn trước 2016. Trước năm 2018 chưa có quy định về chỉ huy trưởng. Bản thân bị cáo là người làm thuê, lãnh đạo công ty và chủ đầu tư đã ký giá trị công trình thì bị cáo không thể biết và can thiệp được.

- Luật sư Nguyễn Hồng N1 bào chữa cho bị cáo Trần Tuấn T7: Bị cáo chỉ tham gia sửa chữa 1 số hạng mục ở công trình, chỉ đạo thi công ở giai đoạn sau, mong Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7 làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Trong quá trình thực hiện một số dự án đầu tư tại huyện U do UBND huyện U làm chủ đầu tư (dự án trung tâm hành chính huyện; dự án tường kè giai đoạn 1, giai đoạn 2; dự án hội trường huyện…), các bị cáo là đại diện Chủ đầu tư, thành viên Ban quản lý dự án, đơn vị tư vấn khảo sát thiết kế, thẩm tra, thẩm định, đơn vị thi công, đơn vị giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán công trình; tùy chức năng, nhiệm vụ được phân công đã để xảy ra nhiều vi phạm, gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước. Cụ thể, căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra của Đoàn Thanh tra và kết quả điều tra của cơ quan điều tra, xác định được:

- Đối với bị cáo Cao Văn P (Giám đốc Công ty T17): Trong quá trình ký duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán đối với các hạng mục công trình, do tin tưởng vào cán bộ chuyên môn được phân công đã thực hiện đúng, nên P chỉ kiểm tra sơ bộ

dẫn đến sai phạm về hồ sơ thiết kế Tường kè giai đoạn 2 không đảm bảo an toàn chịu lực, thiệt hại phần cọc là 3.626.708.232 đồng. Ngoài ra, bị cáo ký duyệt xử lý cắt 02 cột của Hội trường huyện và cắt giảm chiều dài cọc công trình T12 kè giai đoạn 1 từ 20m xuống còn 11,7m nhưng không lập hồ sơ thiết kế, thẩm định, phê duyệt lại theo quy định pháp luật xây dựng, dẫn đến việc không đảm bảo khả năng chịu lực, gây thiệt hại cho công trình Hội trường 260.438.334 đồng và công trình T12 kè giai đoạn 1 là 4.866.268.737 đồng. Tổng số tiền bị cáo gây thiệt hại là 8.492.976.969 đồng.

- Đối với bị cáo Huỳnh Bạch Đ (Phó Tổng Giám đốc Công ty Đ6, phụ trách thi công dự án Trung tâm hành chính U Minh T13): Trong quá trình thi công công trình T12 kè giai đoạn 1 và Hội trường huyện, có phát sinh điều chỉnh thay đổi thiết kế. Mặc dù không có hồ sơ thiết kế, thẩm định, phê duyệt lại nhưng được sự đồng ý của Lê Thanh Đ3, bị cáo thống nhất cho công ty tiếp tục thi công dẫn đến thiệt hại 5.126.707.071 đồng (Công trình Tường kè giai đoạn 1 thiệt hại 4.866.268.737 đồng; công trình Hội trường thiệt hại 260.438.334 đồng). Ngoài ra, bị cáo Đ đã ký hồ sơ đề nghị nghiệm thu, thanh toán sai quy định như kê tăng khối lượng, thanh toán khi không có khối lượng, thanh toán sai đơn giá vật tư, thay đổi chủng loại vật tư, thanh toán trùng khối lượng thi công đối với các hạng mục công trình khác, gây thiệt hại tổng số tiền là 4.273.281.060 đồng.

- Đối với bị cáo Lưu Thành D1 là người chủ trì thiết kế hạng mục T12 kè giai đoạn 2 (Công ty T17): Công ty T17 tiến hành xuất (ký, đóng dấu, phát hành) hồ sơ thiết kế Công trình Tường kè giai đoạn 2 dựa trên nền tảng hồ sơ thiết kế ban đầu (Tường kè trung tâm) và điều chỉnh lại theo hồ sơ xử lý kỹ thuật sai quy định do các bên tự bàn bạc thống nhất. D1 thực hiện thiết kế hồ sơ Tường kè 2 đối với phần cọc là 16m, nhưng không tính toán độ ổn định, chịu lực của tường kè. Sau đó, bị cáo D1 trình Cao Văn P (Giám đốc Công ty T17) ký duyệt hồ sơ. Công trình được thi công theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công nhưng không đảm bảo an toàn chịu lực (không đảm bảo kết cấu, kỹ thuật theo quy định) gây thiệt hại 3.626.708.232 đồng.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn L1 (Công chức phòng Công thương, UBND huyện U): Được phân công thẩm định hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật và ký hồ sơ thẩm định thiết kế công trình T12 kè giai đoạn 2. Quá trình thẩm định, chủ yếu căn cứ vào hồ sơ thiết kế và bản vẽ thi công đối chiếu lại với khối lượng của hạng mục công trình để xác định khối lượng. Khi thẩm định chất lượng kết cấu công trình chỉ xem bản vẽ thiết kế, nhưng không đối chiếu lại với các quy chuẩn theo quy định về xây dựng, dẫn đến việc thi công công trình T12 kè giai đoạn 2 không đảm bảo an toàn chịu lực (không đảm bảo kết cấu, kỹ thuật theo quy định), gây thiệt hại số tiền 3.626.708.232 đồng.

- Đối với bị cáo Trần Tuấn T7 (Chỉ huy trưởng công trình Dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện U - Công ty Đ6): Với chức vụ là Chỉ huy trưởng công trình, bị cáo buộc phải biết những sai phạm trong việc nghiệm thu, thanh toán các giai đoạn của cấp dưới trước đó, đã được thể hiện rõ trong các hồ sơ nghiệm thu, thanh toán các giai đoạn. Tuy nhiên, đến khi thanh toán giai đoạn 12

thì T7 tự lập hồ sơ đề nghị thanh toán và không thanh toán khấu trừ phát sinh giảm các hạng mục Hội trường, bỏ mặc hậu quả sai phạm, giúp sức cho Công ty Đ6 tiếp tục chiếm đoạt khoản tiền này cho đến khi thanh tra phát hiện, ngăn chặn, gây thiệt hại 659.650.762 đồng.

- Đối với bị cáo Ngô Công T1: Bị cáo là Chủ tịch UBND huyện U, chủ đầu tư Dự án Trung tâm hành chính huyện U. Trong quá trình thi công, đã chỉ đạo và đồng ý ký phê duyệt 02 tờ trình xử lý kỹ thuật đối với hạng mục công trình Tường kè giai đoạn 1 và Hội trường huyện. Tại thời điểm xử lý, Lê Thanh Đ3 - Giám đốc BQLDA có báo cáo cho bị cáo và bị cáo có chỉ đạo mời các bên liên quan để xử lý theo quy định, mặc dù sau đó không nghe Lê Thanh Đ3 báo cáo lại tình hình xử lý như thế nào nhưng bị cáo bỏ mặc cho Đồng đại D2 chủ đầu tư cùng với đơn vị thi công tự thực hiện mà không tiến hành thủ tục thiết kế, thẩm định, phê duyệt lại theo đúng quy định; hậu quả hạng mục công trình Tường kè giai đoạn 1 bị sự cố, hạng mục Hội trường cho đến nay chưa khắc phục và đưa vào sử dụng được. Bị cáo đã có hành vi buông lỏng quản lý, không thực hiện hết trách nhiệm Chủ đầu tư, không tiến hành kiểm tra việc chỉ đạo xử lý theo đúng quy định, dẫn đến thiệt hại 5.126.707.071 đồng tại 02 hạng mục trên (Công trình T12 kè giai đoạn 1 thiệt hại 4.866.268.737 đồng; công trình Hội trường thiệt hại 260.438.334 đồng).

- Đối với bị cáo Trần Văn H2 là Phó Chủ tịch UBND huyện U: Khi ký quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hạng mục công trình Tường kè giai đoạn 2, bị cáo không kiểm tra chi tiết hồ sơ mà tin tưởng vào báo cáo kết quả thẩm định của BQLDA huyện đã thực hiện đúng quy định, dẫn đến sai phạm hồ sơ thiết kế không đảm bảo khả năng chịu lực, gây thiệt hại số tiền 3.626.708.232 đồng.

- Đối với bị cáo Đoàn Hồng D (Chủ tịch UBND huyện U, Chủ đầu tư dự án từ ngày 05/02/2015 đến tháng 12/2016): Khi ký quyết định chỉ định thầu đối với 02 gói thầu mua sắm trang thiết bị, không nắm rõ các quy định, quy trình về chào thầu cạnh tranh và chỉ định thầu mà tin tưởng vào cơ quan chuyên môn tham mưu đã thực hiện. Khi ký phê duyệt, chỉ kiểm tra lại kích thước, số lượng, mẫu mã bàn ghế, thiết bị xem có đúng với yêu cầu ban đầu hay không, đã tạo điều kiện để nhà thầu kê giá các thiết bị cao hơn giá thực tế, gây thiệt hại cho ngân sách tổng số tiền 3.178.270.194 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Phạm Thanh S2, Lý Trường K, Bùi Phước T14 về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 3 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Trần Tuấn T7 về tội "Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015; các bị cáo Ngô Công T1, Đoàn Hồng D, Trần Văn H2 về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7 về tội danh:

Đối với bị cáo Lưu Thanh D3: Bị cáo cho rằng bị cáo chỉ là người kế thừa phương án thiết kế của Đàm Nguyễn Khoa H4, dựa trên hồ sơ thiết kế ban đầu, chỉ chỉnh sửa lại theo như hồ sơ xử lý kỹ thuật tuyến công trình tường kè giai đoạn 1 là cọc trước dài 16 m, cọc neo dài 20m nên không thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử. Xét thấy, bị cáo thừa nhận là người trực tiếp lập hồ sơ thiết kế, bảng vẽ thi công, dự toán công trình của giai đoạn 2; việc lập hồ sơ thiết kế không có báo cáo thuyết minh tính toán kết cấu và phương án kết cấu; chỉ tham khảo quá trình thi công, đóng cọc của tường kè giai đoạn 1 để thực hiện. Chính từ việc bị cáo thực hiện không đúng quy định việc thiết kế kỹ thuật đối với công trình đã dẫn đến việc công trình không đảm bảo an toàn, phải tạm ngừng thi công để khắc phục. Đối với Kết luận giám định của Tổ Giám định thuộc Sở Xây dựng tỉnh K, bị cáo không đồng ý; đã được Sở Xây dựng tỉnh K ban hành Công văn số 1974/XSD-TTKĐ ngày 27/7/2023 khẳng định Kết luận giám định số 509/KL-SXD ngày 18/4/2019 và Kết luận số 193/KL-XSD ngày 17/02/2020 là chính xác; kết quả tính toán của bị cáo chỉ tính toán trong giai đoạn thi công, chưa tính đến giai đoạn hoàn thiện đưa vào sử dụng và trường hợp đặc biệt bất lợi nhất. Thực tế hiện nay công trình theo hồ sơ thiết kế của bị cáo đã bị dừng thi công do không đảm bảo an toàn chịu lực. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"* là có căn cứ, không oan.

Tương tự, đối với bị cáo Nguyễn Văn L1, bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm dựa vào kết luận giám định của Sở Xây dựng tỉnh K để truy tố, xét xử đối với bị cáo là không chính xác. Xét thấy, bị cáo là người có chuyên môn về xây dựng, được giao thẩm định hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công Tường kè giai đoạn 2, tuy nhiên bị cáo không kiểm tra, đối chiếu bản vẽ thiết kế thi công với các quy trình, quy chuẩn đã ký kết quả thẩm định và trình cho Lê Thanh Đ3 ký duyệt kết quả thẩm định xác định hồ sơ thiết kế đảm bảo các thông số, tiêu chuẩn kỹ thuật là không thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định. Thực tế, công trình không đảm bảo tiêu chuẩn, đúng với kết luận giám định của Sở Xây dựng. Bị cáo cho rằng các kết luận giám định không đúng là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan.

Đối với bị cáo Trần Tuấn T7: Bị cáo cho rằng bản thân không được Công ty Đ6 phân công giữ chức vụ Chỉ huy trưởng công trình do không nhận được quyết định. Tuy nhiên, thực tế bị cáo là người ký nháy trong các văn bản với chức vụ Chỉ huy trưởng. Các bị cáo Huỳnh Bạch Đ, Trần Vẻ V2, Phạm Thanh S2 đều có lời khai xác định việc phân công nhiệm vụ chỉ huy trưởng hay các chức vụ khác trong Công ty Đ6 được thông báo cho người được giao nhiệm vụ, người được giao khi thực hiện nhiệm vụ đều ký đúng chức vụ của mình trên văn bản, Công ty Đ6 không giao hoặc công bố quyết định phân công. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định bị cáo T7 là Chỉ huy trưởng công trình gói thầu số 01, phù hợp với Quyết định bổ nhiệm số 53/QĐ-HN ngày 04/3/2014 của Công ty Đ6 và trực tiếp thi công hạng mục đường giao thông số 7. Với vai trò là Chỉ huy trưởng, bị cáo phải có trách nhiệm theo dõi vấn đề nghiệm thu, thanh toán của các giai đoạn trước đó để thực hiện nghiệm thu, thanh

toán đối với giai đoạn 12. Về chức năng, nhiệm vụ, bị cáo buộc phải biết các khối lượng của những giai đoạn trước có phát sinh tăng, giảm như thế nào; tuy nhiên bị cáo thực hiện không đúng quy định, không quyết toán giảm trừ khối lượng thanh toán thừa, vượt của giai đoạn trước, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *"Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"* là có căn cứ, không oan.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của các bị cáo Lưu Thành D1, Nguyễn Văn L1, Trần Tuấn T7 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo không phạm tội không có cơ sở chấp nhận.

Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án và xử phạt bị cáo Lưu Thành D1 và Nguyễn Văn L1 03 năm tù; xử phạt bị cáo Trần Tuấn T7 01 năm 06 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D về hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về đầu tư xây dựng công trình, hoạt động quản lý và tài sản của nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo Cao Văn P có thành tích xuất sắc trong công tác, phía Công ty đã tự nguyện bồi thường xong trách nhiệm dân sự trong đó có phần trách nhiệm của bị cáo; bản thân đang mắc bệnh. Bị cáo Huỳnh Bạch Đ đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả; có thân nhân là người có công với cách mạng. Bị cáo Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả, quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc có thân nhân có công với cách mạng. Trên cơ sở đánh giá tính chất hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ 03 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Ngô Công T1 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Đoàn Hồng D 01 năm tù, bị cáo Trần Văn H2 09 tháng tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cũng như xin được hưởng án treo của các bị cáo.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2025/HS-ST ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang).

Tuyên bố các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Lưu Thành D1, Nguyễn Văn L1, Trần Tuấn T7, phạm tội *"Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng"*; các bị cáo Ngô Công T1, Đoàn Hồng D, Trần Văn H2 phạm tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*.

1/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Cao Văn P** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

2/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Bạch Đ** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 06/02/2024.

3/. Áp dụng khoản 3 Điều 224; điểm b, s khoản 1Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Lưu Thành D1** 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 29/8/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn L1** 03 (ba) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 26/10/2023 đến ngày 27/3/2024.

4/. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 224; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Xử phạt bị cáo **Trần Tuấn T7** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/02/2025).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường H, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(Đã giải thích chế định án treo)

5/. Áp dụng khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Xử phạt bị cáo **Ngô Công T1** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Hồng D** 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn H2** 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

6/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

7/. Các bị cáo Cao Văn P, Huỳnh Bạch Đ, Ngô Công T1, Trần Văn H2, Đoàn Hồng D, Nguyễn Văn L1, Lưu Thành D1, Trần Tuấn T7, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

8/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh An Giang (9);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- Công an tỉnh An Giang (1);
- Bị cáo tại ngoại (8);
- UBND phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau (1);
- Lưu VP(5), HS(2).31b.LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy